

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/DS-ST
Ngày 03-8-2023
V/v tranh chấp hội và tranh
chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Liêm

Ông Lê Quốc Thới

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp hội và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1966.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông Ngô Quang H, sinh năm 1962, là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 10/3/2023 (chồng bà D, có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Ngô Quang H, sinh năm 1962 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp R, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Lê Văn L, sinh năm 1960 (chồng bà T, vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2023 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày yêu cầu khởi kiện:

Vợ chồng bà T và ông L có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà D và ông H làm chủ hụi, trong quá trình chơi hụi thì vợ chồng bà T và ông L còn nợ tiền hụi, cụ thể như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2017 âm lịch, bà D và ông H có mở dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, gồm có 37 chung, bà T tham gia 01 chung và đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi bà T có đóng hụi chết nhưng không đầy đủ. Hiện nay dây hụi này đã mãn vào ngày 22/12/2020 âm lịch, khi mãn hụi bà T còn nợ tiền hụi là 24 tháng x 1.000.000đ x 01 chung = 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Ngày 06 tháng 5 năm 2019 âm lịch, bà D và ông H có mở dây hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, gồm có 34 chung, bà T tham gia 01 chung và đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi bà T có đóng hụi chết nhưng không đầy đủ. Hiện nay dây hụi này đã mãn vào ngày 06/02/2022 âm lịch, khi mãn hụi bà T còn nợ tiền hụi là 28 tháng x 1.000.000đ x 01 chung = 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 âm lịch, bà D và ông H có mở dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, gồm có 28 chung, bà T tham gia 01 chung và đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi bà T có đóng hụi chết nhưng không đầy đủ. Hiện nay dây hụi này đã mãn vào ngày 08/11/2021 âm lịch, khi mãn hụi bà T còn nợ tiền hụi là 25 tháng x 2.000.000đ x 01 chung = 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Tổng cộng 03 dây hụi nói trên thì vợ chồng bà T, ông L còn nợ là 102.000.000 đồng, bà T có trả được 71.000.000 đồng, nên còn nợ lại là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng).

Ngoài ra, vào ngày 01/4/2021 âm lịch, bà T và ông L có hỏi vay của bà D với số tiền vốn vay là 35.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, nhưng từ khi vay tiền cho đến nay thì bà T và ông L không có đóng lãi và cũng không có thanh toán tiền vốn vay cho bà D. Nay bà D yêu cầu vợ chồng bà T, ông L thanh toán tiền vốn vay là 35.000.000 đồng và tính lãi suất 1,6%/tháng/35.000.000 đồng, thời gian tính lãi suất từ ngày 01/4/2021 âm lịch cho đến khi xét xử vụ án.

Từ những lý do nêu trên nên bà Nguyễn Thị D yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn L cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà D tổng số tiền hụi và tiền vốn vay còn nợ là 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng), trong đó: tiền hụi là 31.000.000 đồng, tiền vốn vay là 35.000.000 đồng và tính lãi suất 1,6%/tháng/35.000.000 đồng, thời gian tính lãi suất từ ngày 01/4/2021 âm lịch cho đến khi xét xử vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L, Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà bà D và ông L không có văn bản trả lời cho Tòa án; Tòa án tổng đạt thông báo về

phiên họp và phiên hòa giải 02 lần nhưng bà D và ông L vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn L, không yêu cầu ông L cùng có trách nhiệm liên đới với bà T thanh toán nợ cho vợ chồng bà D và ông H vì bà T là người trực tiếp giao dịch chơi hụi và có thừa nhận nợ tại địa phương. Nay vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Ngô Quang H chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị T thanh toán số tiền hụi còn nợ là 31.000.000 đồng, tiền vốn vay là 35.000.000 đồng, lãi suất theo quy định nhà nước tính từ ngày 01/4/2021 âm lịch, nhằm ngày 12/5/2021 dương lịch đến ngày xét xử là 26 tháng (tính tròn tháng) $35.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\% \times 26 \text{ tháng} = 14.560.000 \text{ đồng}$.

Bà T và ông L vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn L họp lệ 02 lần nhưng bà T và ông L vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn L là đúng với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn L, không yêu cầu ông L cùng có trách nhiệm liên đới với bà T thanh toán nợ cho bà D và ông H. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu ông L cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho bà D và ông H là đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Bà Nguyễn Thị D khởi kiện bà Nguyễn Thị T và yêu cầu bà Nguyễn Thị T thanh toán cho bà D số tiền hụi và tiền vốn vay, lãi suất còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T có địa chỉ cư trú tại ấp Phú Thạnh, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà D đối với bà T: Bà D yêu cầu bà T thanh toán cho bà D tổng số tiền hui và tiền vốn vay còn nợ là 66.000.000 đồng và tính lãi suất 1,6%/tháng/35.000.000 đồng, thời gian tính lãi suất từ ngày 01/4/2021 cho đến khi xét xử vụ án. Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà bà T và ông L không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối việc khởi kiện của bà D và Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp và phiên hòa giải 02 lần nhưng bà T và ông L vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Xét thấy, việc bà T có tham gia chơi hui do bà D và ông H làm chủ hui là thực tế có xảy ra vì tại biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 02/01/2022 bà T đã thừa nhận có nợ tiền bà D và hứa khi sang đất được thì trả đủ một lần. Mặc khác, tại biên bản làm việc với bà T ngày 03/8/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng, bà T thừa nhận có thiếu bà D tổng số tiền là 66.000.000 đồng, bà T có mượn bà D hoi dùm số tiền 35.000.000 đồng, tiền lãi hàng tháng là 1.050.000 đồng, từ tháng 4/2021 đến nay chưa đóng lãi, do gia đình bà T đang gặp khó khăn. Bà T cam kết khi nào bán được phần đất ở xã Khánh Bình bà sẽ trả hết số tiền hui và số tiền mượn bà D hoi dùm, nhưng hiện không có khả năng trả lãi như cam kết, bà T yêu cầu bà D giảm lãi cho bà. Việc bà D và bà T thỏa thuận lãi suất hàng tháng là 1.050.000 đồng/35.000.000 đồng là cao hơn lãi suất quy định của Nhà nước, tuy nhiên từ khi vay cho đến nay thì bà T chưa đóng lãi cho bà D nên không đặt ra xem xét phần lãi vượt mức quy định. Nay bà D yêu cầu tính lãi suất theo quy định Nhà nước là 1,6%/tháng/35.000.000 đồng và thời gian tính lãi suất 26 tháng (tính tròn tháng) là đúng quy định của pháp luật và có cơ sở nên được chấp nhận. Lãi suất tính theo quy định Nhà nước là 1,6%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 12/5/2021 dương lịch cho đến ngày xét xử là 26 tháng (tính tròn tháng) = $35.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\% \times 26 \text{ tháng} = 14.560.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, từ những phân tích trên thì có cơ sở xác định bà T có tham gia chơi hui do bà D và ông H làm chủ hui và có nhờ bà D vay dùm nhưng đến nay chưa thanh toán cho bà D và ông H nên còn nợ số tiền nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ. Buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng bà D và ông H tổng số tiền hui, tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 80.560.000 đồng (Tám mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó, tiền hui 31.000.000 đồng, tiền vốn vay 35.000.000 đồng, tiền lãi 14.560.000 đồng.

Kể từ ngày bà D, ông H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà T chậm thanh toán tiền thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận toàn bộ nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền 80.560.000 đồng là 4.028.000 đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà D có dự nộp tiền tạm ứng án phí 2.243.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008911 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 264, 266, 267, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468, Điều 471, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu ông Lê Văn L có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho bà D và ông H.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D và ông Ngô Quang H. Buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng bà D và ông H tổng số tiền hui, tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 80.560.000 đồng (Tám mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó, tiền hui 31.000.000 đồng, tiền vốn vay 35.000.000 đồng, tiền lãi 14.560.000 đồng.

Kể từ ngày bà D, ông H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà T chậm thanh toán tiền thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% bà Nguyễn Thị T phải chịu nộp là 4.028.000 đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà D có dự nộp tiền tạm ứng án phí 2.243.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008911 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tạo